

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026 - 2027

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
LỚP CHUYÊN: TOÁN

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	030029	Phan Đỗ Quỳnh Như	Nữ	24/07/2011	Kinh	9.25	8.75	9.75	8.25	44.25	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
2	030013	Lâm Minh Khoa	Nam	12/08/2011	Kinh	8.5	6.5	9.5	8.75	42	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
3	030012	Trần Bảo Khanh	Nam	18/05/2011	Kinh	9.5	7.25	9.5	7.75	41.75	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
4	030038	Trần Thắng	Nam	08/07/2011	Kinh	9.25	7	9.5	7.75	41.25	Trường THCS Tam Quan Bắc, Phường Hoài Nhơn Bắc
5	030045	Nguyễn Khánh Toàn	Nam	25/11/2011	Kinh	8.75	8.25	8.75	7.75	41.25	Trường THCS Mỹ Chánh, Xã An Lương
6	030007	Giang Minh Đăng	Nam	23/01/2011	Kinh	10	7.25	9.5	7.25	41.25	Trường THCS Tăng Bạt Hổ, Xã Hoài Ân
7	030041	Nguyễn Ngọc Thanh Thư	Nữ	03/06/2011	Kinh	8	6.25	9.5	8.5	40.75	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
8	030024	Trần Đại Nhân	Nam	10/12/2011	Kinh	10	7	8.5	7.5	40.5	Trường THCS Ân Thạnh, Xã Vạn Đức
9	030036	Lê Bình Thực Quyên	Nữ	14/02/2011	Kinh	8	8	9.5	7.25	40	Trường THCS Mỹ Châu, Xã Phù Mỹ Bắc
10	030043	Hồ Thị Kim Tiến	Nữ	10/10/2011	Kinh	7.75	8	9.75	7.25	40	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
11	030025	Trần Ngọc Thiện Nhân	Nam	03/02/2011	Kinh	9	7.25	9.25	7	39.5	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
12	030030	Nguyễn Minh Nhựt	Nam	28/01/2011	Kinh	9	9	9.5	6	39.5	Trường THCS Hoài Tân, Phường Hoài Nhơn Nam
13	030023	Phan Hạnh Nguyên	Nữ	05/04/2011	Kinh	9.5	7	9.75	6.5	39.25	Trường THCS Phù Mỹ, Xã Phù Mỹ

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
14	030046	Cao Thị Hương Trà	Nữ	13/03/2011	Kinh	9	8	9.75	6.25	39.25	Trường THCS Tam Quan Nam, Phường Hoài Nhơn
15	030009	Tô Song Hoài	Nữ	20/08/2011	Kinh	8.25	8.75	9.5	6	38.5	Trường THCS Hoài Thanh Tây, Phường Hoài Nhơn
16	030047	Phạm Bảo Trâm	Nữ	10/09/2011	Kinh	8.25	9	9.75	5.75	38.5	Trường THCS Mỹ Chánh, Xã An Lương
17	030003	Đặng Gia Bảo	Nam	01/09/2011	Kinh	9	7.25	8.75	6.5	38	Trường THCS Tam Quan, Phường Tam Quan
18	030055	Võ Thị Tường Vy	Nữ	05/03/2011	Kinh	8.75	6	8	7.5	37.75	Trường THCS Mỹ Thắng, Xã Phù Mỹ Đông
19	030057	Võ Hoàng Yến	Nữ	28/04/2011	Kinh	8.25	6.25	8	7.5	37.5	Trường THCS Mỹ Thọ, Xã Phù Mỹ Đông
20	030022	Trần Gia Nghĩa	Nam	15/08/2011	Kinh	8.5	7	9.5	6.25	37.5	Trường THCS Mỹ Chánh, Xã An Lương
21	030034	Nguyễn Cao Xuân Quang	Nam	01/11/2011	Kinh	7.75	7.5	9.5	6.25	37.25	Trường THCS Tam Quan Nam, Phường Hoài Nhơn
22	030037	Nguyễn Trần Bảo Thanh	Nam	18/08/2011	Kinh	9	6.5	6.25	7.5	36.75	Trường THCS Hoài Hương, Phường Hoài Nhơn Đông
23	030027	Phan Thị Diễm Nhi	Nữ	21/03/2011	Kinh	8.5	7.25	8	6.5	36.75	THCS Mỹ Quang, Xã Phù Mỹ
24	030049	Lê Minh Tuấn	Nam	22/12/2011	Kinh	7.75	7.5	8	6.25	35.75	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
25	030020	Trần Thiên Long	Nam	17/12/2011	Kinh	8.5	6.75	8.5	6	35.75	Trường THCS Ân Đức, Xã Hoài Ân
26	030053	Nguyễn Hoàng Thái Vinh	Nam	28/07/2011	Kinh	8.25	6.25	7.75	6.5	35.25	Trường THCS Hoài Hải, Phường Hoài Nhơn Đông
27	030019	Trần Đức Long	Nam	25/04/2011	Kinh	9	6.75	9.5	5	35.25	Trường THCS Tam Quan Nam, Phường Hoài Nhơn
28	030004	Võ Thành Gia Bảo	Nam	01/02/2011	Kinh	8.5	7.25	8.75	5.25	35	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
29	030054	Đào Vũ Thảo Vy	Nữ	20/10/2011	Kinh	8	6.5	8.25	6	34.75	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
30	030035	Ngô Minh Quân	Nam	03/02/2011	Kinh	8.75	6.5	6.5	6.25	34.25	THCS Mỹ Quang, Xã Phù Mỹ
31	030052	Nguyễn Ngọc Tường Vân	Nữ	09/11/2011	Kinh	8.5	6.25	8	5.75	34.25	Trường THCS Tăng Bạt Hổ, Xã Hoài Ân
32	030021	Nguyễn Dương Hải Nam	Nam	13/07/2011	Kinh	7.5	7.75	8.5	5	33.75	Trường THCS Bình Dương, Xã Bình Dương
33	030008	Trần Hoàng Vũ Đăng	Nam	20/09/2011	Kinh	8	6.5	8	5.5	33.5	Trường THCS Ân Tín, Xã Vạn Đức
34	030056	Lê Trần Hoàng Yến	Nữ	05/05/2011	Kinh	8.75	6.5	8.25	5	33.5	Trường THCS Đào Duy Từ, Phường Hoài Nhơn Tây
35	030032	Nguyễn Trần Thanh Phong	Nam	13/02/2011	Kinh	8.25	6.5	6.25	6	33	Trường THCS Hoài Mỹ, Phường Hoài Nhơn Đông

Danh sách này có 35 thí sinh.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026 - 2027

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
LỚP CHUYÊN: VẬT LÝ

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	030060	Lê Tiểu Cẩm	Nữ	19/08/2011	Kinh	9	8.25	9.5	8.75	44.25	Trường THCS Tam Quan Bắc, Phường Hoài Nhơn Bắc
2	030092	Nguyễn Ngọc Tín	Nam	26/01/2011	Kinh	8.25	7	9.25	9	42.5	Trường THCS Hoài Hương, Phường Hoài Nhơn Đông
3	030063	Nguyễn Sơn Hải	Nam	06/03/2011	Kinh	7.75	6	9	9.5	41.75	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
4	030061	Nguyễn Quốc Cường	Nam	05/07/2011	Kinh	10	7	9	7.75	41.5	Trường THCS Phù Mỹ, Xã Phù Mỹ
5	030068	Phùng Trần Quang Huy	Nam	16/10/2011	Kinh	8.25	7	9.5	8.25	41.25	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
6	030088	Nguyễn Lê Thảo Quỳnh	Nữ	23/08/2011	Kinh	7.5	7.75	8	8.5	40.25	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
7	030080	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	15/09/2011	Kinh	9	8	8.5	7	39.5	Trường THCS Hoài Châu Bắc, Phường Hoài Nhơn Bắc
8	030082	Đỗ Minh Nhất	Nam	02/04/2011	Kinh	7.75	7.5	8.75	7.25	38.5	Trường THCS Hoài Châu, Phường Tam Quan
9	030091	Huỳnh Thị Mỹ Tiên	Nữ	08/10/2011	Kinh	8.75	8.5	9.25	6	38.5	Trường THCS Tam Quan Bắc, Phường Hoài Nhơn Bắc
10	030066	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	04/07/2011	Kinh	8.25	6	9.25	7	37.5	Trường THCS Hoài Châu, Phường Tam Quan
11	030097	Lê Huỳnh Tuấn Vũ	Nam	28/07/2011	Kinh	8.5	7	9.5	6.25	37.5	Trường THCS Hoài Châu, Phường Tam Quan
12	030067	Nguyễn Quốc Huy	Nam	04/05/2011	Kinh	7	6.5	9.25	7.25	37.25	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
13	030073	Võ Tấn Khoa	Nam	21/10/2011	Kinh	8.25	6.75	9	6.25	36.5	Trường THCS Hoài Châu, Phường Tam Quan

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
14	030086	Trần Thanh Quý	Nam	21/05/2011	Kinh	8.25	7.5	8.75	6	36.5	Trường THCS Tam Quan, Phường Tam Quan
15	030079	Nguyễn Vũ Uyên My	Nữ	03/07/2011	Kinh	7.25	8.75	9.5	5.5	36.5	Trường THCS Bình Dương, Xã Bình Dương
16	030083	Lê Anh Nhật	Nam	05/12/2011	Kinh	7.5	7.75	9.25	5.75	36	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
17	030096	Trần Kiến Văn	Nam	10/05/2011	Kinh	8.5	6.25	8.5	6.25	35.75	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
18	030094	Võ Thành Tứ	Nam	20/07/2011	Kinh	8	6.5	8.5	6.25	35.5	Trường THCS Tam Quan, Phường Tam Quan
19	030077	Võ Thị Khánh Linh	Nữ	22/06/2011	Kinh	7.75	7.75	9.5	5.25	35.5	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
20	030069	Trần Đình Gia Hưng	Nam	16/02/2011	Kinh	8.75	7	8.5	5.5	35.25	Trường THCS Tam Quan, Phường Tam Quan
21	030059	Nguyễn Khắc Bình	Nam	22/08/2011	Kinh	8.5	6.75	9	5.25	34.75	Trường THCS Hoài Tân, Phường Hoài Nhơn Nam
22	030093	Lê Văn Trí	Nam	11/09/2011	Kinh	7.75	6.5	8.25	6	34.5	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
23	030075	Nguyễn Tuấn Kiệt	Nam	01/11/2011	Kinh	7.5	6.5	9.5	5.5	34.5	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
24	030089	Trần Quốc Thịnh	Nam	28/10/2011	Kinh	8	7	7.25	6	34.25	Trường THCS Hoài Hương, Phường Hoài Nhơn Đông
25	030076	Võ Tuấn Kiệt	Nam	19/02/2011	Kinh	8.5	5.75	9.75	5	34	Trường THCS Hoài Tân, Phường Hoài Nhơn Nam
26	030084	Lê Hồ Tuyết Nhi	Nữ	21/10/2011	Kinh	7.5	7.25	8.75	5	33.5	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
27	030087	Đoàn Võ Thanh Quyền	Nam	14/03/2011	Kinh	7.75	6.75	6.75	5.5	32.25	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
28	030072	Hồ Phan Bảo Khanh	Nam	04/08/2011	Kinh	8	6.5	6.25	5.5	31.75	Trường THCS Hoài Mỹ, Phường Hoài Nhơn Đông

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
29	030085	Đoàn Minh Quy	Nam	30/08/2011	Kinh	6.75	7	7.25	5.25	31.5	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
30	030090	Nguyễn Song Hoàng Thông	Nam	24/04/2011	Kinh	5.75	6.5	6	6.25	30.75	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn

Danh sách này có 30 thí sinh.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026 - 2027

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
LỚP CHUYÊN: HÓA HỌC

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	030154	Nguyễn Lê Phương Yến	Nữ	21/01/2011	Kinh	9	8.75	9.75	9	45.5	Trường THCS Hoài Châu, Phường Tam Quan
2	030125	Lê Thanh Mai	Nữ	01/05/2011	Kinh	9	7.5	9.25	9.25	44.25	Trường THCS Phù Mỹ, Xã Phù Mỹ
3	030103	Nguyễn Tiến Danh	Nam	03/04/2011	Kinh	9	7.75	9.25	8.75	43.5	Trường THCS Mỹ Tài, Xã Phù Mỹ Nam
4	030104	Đặng Nguyễn Hải Đăng	Nam	26/06/2011	Kinh	8.75	7.75	9.5	8.5	43	Trường THCS Mỹ Tài, Xã Phù Mỹ Nam
5	030101	Nguyễn Trúc Chi	Nữ	09/09/2011	Kinh	7.25	7	9.25	9.5	42.5	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
6	030108	Nguyễn Xuân Hải	Nam	04/05/2011	Kinh	7.5	7.5	9.5	9	42.5	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
7	030116	Trương Quốc Huy	Nam	29/08/2011	Kinh	8.5	7.25	7.75	9	41.5	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
8	030100	Nguyễn Minh Bảo	Nam	30/06/2011	Kinh	8.25	7.25	8.25	8.5	40.75	Trường THCS Mỹ Chánh, Xã An Lương
9	030150	Lê Đặng Nhật Trường	Nam	31/10/2011	Kinh	8	7.5	9	8	40.5	Trường THCS Tam Quan Bắc, Phường Hoài Nhơn Bắc
10	030151	Đặng Thanh Tường	Nam	07/09/2011	Kinh	7.5	7.75	8.75	8	40	Trường THCS Tam Quan, Phường Tam Quan
11	030137	Nguyễn Xuân Phúc	Nam	05/10/2011	Kinh	7.5	7.25	7	9	39.75	Trường THCS Hoài Thanh Tây, Phường Hoài Nhơn
12	030098	Nguyễn Châu Anh	Nữ	01/11/2011	Kinh	8.25	7.25	7.75	8.25	39.75	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
13	030112	Trần Trung Hiếu	Nam	12/05/2011	Kinh	8.25	6.25	8.75	8.25	39.75	THCS Ân Hào Đông, Xã Ân Hào

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
14	030130	Lê Phương Nhi	Nữ	17/08/2011	Kinh	8.5	6.5	8.25	8	39.25	Trường THCS Ân Đức, Xã Hoài Ân
15	030120	Trần Anh Khoa	Nam	19/11/2011	Kinh	7.5	7.75	9.25	7	38.5	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
16	030110	Nguyễn Hoài Ngọc Hân	Nữ	08/06/2011	Kinh	7	7.25	9.75	7	38	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
17	030118	Nguyễn Ngọc Phương Khanh	Nữ	30/12/2011	Kinh	8.25	7.25	7.75	7.25	37.75	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
18	030107	Tô Việt Hà	Nam	24/08/2011	Kinh	8.75	6.5	8.75	6.75	37.5	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
19	030105	Trương Hương Giang	Nữ	02/10/2011	Kinh	7.75	7.5	9.25	6.25	37	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
20	030139	Nguyễn Đức Tài	Nam	25/09/2011	Kinh	8	7.25	9.5	5.75	36.25	Trường THCS Bình Dương, Xã Bình Dương
21	030129	Phạm Nguyễn Thanh Ngân	Nữ	31/01/2011	Kinh	7	6.5	8.75	6.75	35.75	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
22	030143	Võ Đình Hữu Thiện	Nam	26/06/2011	Kinh	8.25	7.25	7.25	6.25	35.25	Trường THCS Mỹ Tài, Xã Phù Mỹ Nam
23	030113	Võ Minh Hiếu	Nam	20/05/2011	Kinh	7.5	7.25	9	5.5	34.75	Trường THCS Mỹ Tài, Xã Phù Mỹ Nam
24	030115	Lê Đình Quốc Huy	Nam	12/05/2011	Kinh	8	7.25	8.25	5.5	34.5	Trường THCS Hoài Tân, Phường Hoài Nhơn Nam
25	030148	Đặng Bảo Tín	Nam	13/09/2011	Kinh	8.5	6.25	8.5	5.5	34.25	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
26	030106	Võ Huỳnh Châu Giang	Nữ	02/02/2011	Kinh	7.25	7.25	7.5	5.75	33.5	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
27	030135	Nguyễn Hoài Phong	Nam	14/02/2011	Kinh	7.25	7.5	8.75	5	33.5	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
28	030134	Đặng Ly Ny	Nữ	11/09/2011	Kinh	7.75	6.5	7.25	5.75	33	Trường THCS Phù Mỹ, Xã Phù Mỹ

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
29	030126	Trần Trúc Nhã Mai	Nữ	15/09/2011	Kinh	7	6.5	6.5	6.25	32.5	Trường THCS An Tân, Xã An Lão
30	030121	Trương Quốc Khoa	Nam	14/10/2011	Kinh	6.5	7.25	8	5.25	32.25	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
31	030152	Ngô Mạnh Vũ	Nam	09/03/2011	Kinh	6.75	6.5	6.25	6.25	32	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
32	030122	Đoàn Nguyên Khôi	Nam	01/01/2011	Kinh	6.75	7	8.25	5	32	Trường THCS Hoài Châu, Phường Tam Quan
33	030136	Lê Văn Phú	Nam	01/07/2011	Kinh	7.75	6.75	6.25	5.5	31.75	Trường THCS Hoài Tân, Phường Hoài Nhơn Nam
34	030153	Nguyễn Hoàng Vũ	Nam	22/12/2011	Kinh	6.5	7.75	6.5	5.25	31.25	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
35	030147	Đào Ngọc Tín	Nam	03/03/2011	Kinh	7	5.5	8.25	5.25	31.25	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn

Danh sách này có 35 thí sinh.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026 - 2027

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
LỚP CHUYÊN: SINH HỌC

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	030171	Kiều Nguyễn Anh Kiệt	Nam	22/05/2011	Kinh	8.5	8	9.5	8.75	43.5	Trường THCS Tam Quan Bắc, Phường Hoài Nhơn Bắc
2	030197	Lâm Kiều Trinh	Nữ	29/09/2011	Kinh	8	8.5	9.5	8.75	43.5	Trường THCS Tam Quan Bắc, Phường Hoài Nhơn Bắc
3	030187	Phan Hạ Như Quỳnh	Nữ	20/02/2011	Kinh	8.75	7.25	7.25	9.25	41.75	Trường THCS Mỹ Thắng, Xã Phù Mỹ Đông
4	030164	Tô Anh Hào	Nam	17/03/2011	Kinh	8.75	7.5	9.5	8	41.75	Trường THCS Hoài Hương, Phường Hoài Nhơn Đông
5	030170	Phan Văn Khải	Nam	27/05/2011	Kinh	8	7.5	8.5	7.75	39.5	Trường THCS Hoài Tân, Phường Hoài Nhơn Nam
6	030158	Mai Thùy Dung	Nữ	02/08/2011	Kinh	8	7.75	9	7	38.75	Trường THCS Mỹ An, Xã Phù Mỹ Đông
7	030157	Nguyễn Ngô Bảo Châu	Nữ	02/08/2011	Kinh	8	7.75	9	7	38.75	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
8	030177	Huỳnh Trần Nguyên	Nam	02/07/2011	Kinh	8.5	6.75	8.25	7.5	38.5	Trường THCS Ân Đức, Xã Hoài Ân
9	030175	Trần Ái Linh	Nữ	28/04/2011	Kinh	7.5	8	9	7	38.5	Trường THCS Tam Quan, Phường Tam Quan
10	030194	Hồ Minh Trí	Nam	06/11/2011	Kinh	7.25	7.25	6.75	8.5	38.25	Trường THCS Ân Đức, Xã Hoài Ân
11	030174	Nguyễn Kiều Linh	Nữ	25/04/2011	Kinh	9	7.25	7.5	7	37.75	Trường THCS Hoài Châu Bắc, Phường Hoài Nhơn Bắc
12	030162	Trần Thị Thùy Dương	Nữ	17/02/2011	Kinh	8	7.5	9.5	5.75	36.5	Trường THCS Hoài Tân, Phường Hoài Nhơn Nam
13	030179	Trần Ánh Nguyệt	Nữ	13/04/2011	Kinh	8.5	8	9.25	5.25	36.25	Trường THCS Hoài Tân, Phường Hoài Nhơn Nam

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
14	030161	Nguyễn Quốc Dương	Nam	26/09/2011	Kinh	7	8.25	9	5.75	35.75	Trường THCS Hoài Xuân, Phường Hoài Nhơn Nam
15	030156	Nguyễn Phạm Bảo Bình	Nữ	06/09/2011	Kinh	7	8.5	9	5.5	35.5	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
16	030169	Phan Thanh Khải	Nam	28/08/2011	Kinh	6.5	7.5	9.25	6	35.25	Trường THCS Hoài Xuân, Phường Hoài Nhơn Nam
17	030202	Trần Thị Hồng Vân	Nữ	09/09/2011	Kinh	8.25	7.5	8.5	5.5	35.25	Trường THCS Hoài Tân, Phường Hoài Nhơn Nam
18	030165	Lê Lam Hân	Nữ	21/05/2011	Kinh	7.5	8	9.75	5	35.25	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
19	030186	Lê Xuân Quỳnh	Nữ	10/11/2011	Kinh	8	8	9	5	35	Trường THCS Mỹ Phong, Xã Bình Dương
20	030203	Phạm Đặng Yến Vy	Nữ	05/11/2011	Kinh	8	6.75	8.25	5.75	34.5	Trường THCS Ân Tín, Xã Vạn Đức
21	030180	Võ Yến Nhi	Nữ	01/11/2011	Kinh	6.25	7.5	6	7.25	34.25	Trường THCS Hoài Thanh Tây, Phường Hoài Nhơn
22	030178	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	15/07/2011	Kinh	7.75	7.5	9	5	34.25	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
23	030184	Huỳnh Kim Phụng	Nữ	18/12/2011	Kinh	7	7.25	8.75	5.5	34	Trường THCS Ân Mỹ, Xã Ân Hào
24	030196	Trịnh Minh Triết	Nam	22/04/2011	Kinh	7	6.75	9.75	5.25	34	Trường THCS Hoài Thanh Tây, Phường Hoài Nhơn
25	030159	Nguyễn Khánh Duy	Nam	15/07/2011	Kinh	5.75	7	8	6.5	33.75	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
26	030190	Võ Nguyễn Khánh Thy	Nữ	16/07/2011	Kinh	8	6.5	9	5	33.5	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
27	030173	Lê Phương Linh	Nữ	03/04/2011	Kinh	7.5	7	8.5	5	33	Trường THCS Hoài Phú, Phường Hoài Nhơn Tây
28	030188	Trương Khánh Thi	Nữ	06/12/2011	Kinh	7.25	7.25	7.5	5.25	32.5	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
29	030201	Đinh Cẩm Vân	Nữ	26/04/2011	Kinh	6.5	7.25	8.75	5	32.5	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
30	030200	Đặng Trần Nhã Uyên	Nữ	12/06/2011	Kinh	7.25	6.75	8.25	5	32.25	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
31	030193	Võ Kiều Trang	Nữ	02/06/2011	Kinh	7.5	7.5	4.75	5	29.75	Trường THCS Hoài Mỹ, Phường Hoài Nhơn Đông

Danh sách này có 31 thí sinh.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026 - 2027

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
LỚP CHUYÊN: TIN HỌC

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	030216	Tạ Quốc Kiệt	Nam	22/10/2011	Kinh	9.25	8	9.75	9.9	46.8	Trường THCS Hoài Thanh Tây, Phường Hoài Nhơn
2	030208	Nguyễn Thành Đạt	Nam	24/03/2011	Kinh	8.25	7.25	9.75	9.9	45.05	Trường THCS Mỹ Thắng, Xã Phù Mỹ Đông
3	030212	Lê Nhật Khang	Nam	03/03/2011	Kinh	8.25	8.25	9.75	9.1	44.45	Trường THCS Mỹ Chánh, Xã An Lương
4	030220	Phạm Thành Nhân	Nam	20/03/2011	Kinh	7.75	7.75	8.5	9.38	42.76	Trường THCS Tam Quan Nam, Phường Hoài Nhơn
5	030218	Lê Nhật Nam	Nam	28/03/2011	Kinh	9.5	7.75	7.75	8.73	42.46	Trường THCS Bình Dương, Xã Bình Dương
6	030211	Nguyễn Nhật Hưng	Nam	22/10/2011	Kinh	8	7.5	8.25	9.08	41.91	Trường THCS Hoài Thanh Tây, Phường Hoài Nhơn
7	030224	Nguyễn Văn Thiện	Nam	07/10/2011	Kinh	6.75	6.75	9.25	9.48	41.71	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
8	030223	Dương Bảo Quân	Nam	26/11/2011	Kinh	6.75	6.25	9.5	9.5	41.5	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
9	030205	Trần Lê Bình An	Nam	23/03/2011	Kinh	7.75	7.25	9	8.5	41	Trường THCS Hoài Thanh, Phường Hoài Nhơn
10	030222	Nguyễn Hồ Cao Phong	Nam	10/06/2011	Kinh	8.5	8	8.25	8.08	40.91	Trường THCS Đào Duy Từ, Phường Hoài Nhơn Tây
11	030210	Lê Hùng	Nam	22/08/2011	Kinh	7.75	8.5	9.5	7.5	40.75	Trường THCS Bình Dương, Xã Bình Dương
12	030219	Nguyễn Trần Thái Nguyên	Nam	07/07/2011	Kinh	7.5	7.5	9.5	7.78	40.06	Trường THCS Mỹ An, Xã Phù Mỹ Đông
13	030221	Lưu Đào Anh Pha	Nam	21/10/2011	Kinh	7.5	7.5	8.25	8.4	40.05	Trường THCS Hoài Thanh, Phường Hoài Nhơn

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
14	030214	Nguyễn Trung Kiên	Nam	26/10/2011	Kinh	7.25	6.75	9.25	7.88	39.01	Trường THCS Ân Nghĩa, Xã Kim Sơn
15	030217	Lò Đặng Minh Kỳ	Nữ	24/04/2011	Thái	7.5	7.5	9.5	7.25	39	Trường THCS Mỹ Châu, Xã Phù Mỹ Bắc
16	030206	Lê Quốc Bảo	Nam	14/04/2011	Kinh	8	6.5	8.75	7.68	38.61	Trường THCS Hoài Tân, Phường Hoài Nhơn Nam
17	030227	Đỗ Thanh Toàn	Nam	12/01/2011	Kinh	7	6	6.5	9.48	38.46	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
18	030209	Nguyễn Hoàng Gia Hạnh	Nam	20/11/2011	Kinh	7	6.5	8.25	8	37.75	Trường THCS Hoài Tân, Phường Hoài Nhơn Nam
19	030226	Nguyễn Huỳnh Minh Tiến	Nam	28/12/2011	Kinh	7	6	5.5	9.48	37.46	Trường THCS Ân Nghĩa, Xã Kim Sơn
20	030228	Lê Thanh Trúc	Nữ	15/05/2011	Kinh	8.25	7.25	8	6.88	37.26	Trường THCS Hoài Mỹ, Phường Hoài Nhơn Đông
21	030207	Ngô Quang Dũng	Nam	11/11/2011	Kinh	7.25	7	9	7	37.25	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
22	030215	Nguyễn Phạm Quang Kiệt	Nam	09/10/2011	Kinh	7	5.5	7.25	6.8	33.35	Trường THCS An Tân, Xã An Lão
23	030213	Võ Nguyễn Khang	Nam	04/07/2011	Kinh	6.75	6	6	7.08	32.91	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
24	030225	Bùi Mạnh Tiến	Nam	14/02/2011	Kinh	6.5	5	8	5.5	30.5	Trường THCS Hoài Xuân, Phường Hoài Nhơn Nam

Danh sách này có 24 thí sinh.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026 - 2027

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
LỚP CHUYÊN: NGŨ VĂN

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	030278	Trần Đình Phát	Nam	11/01/2011	Kinh	7.5	7.75	8.75	8	40	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
2	030250	Lê Phan Diễm Hằng	Nữ	13/09/2011	Kinh	8.5	8.75	9	6.75	39.75	Trường THCS Hoài Thanh, Phường Hoài Nhơn
3	030230	Võ Ngọc Quỳnh Anh	Nữ	07/03/2011	Kinh	7.25	8.25	9.75	7	39.25	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
4	030309	Nại Hồ Hoàng Yến	Nữ	17/04/2011	Kinh	8.25	8	9.75	6.5	39	Trường THCS Tam Quan Bắc, Phường Hoài Nhơn Bắc
5	030239	Trần Thị Mỹ Duyên	Nữ	21/02/2011	Kinh	7.25	7.75	6	8.5	38	Trường THCS Hoài Sơn, Phường Hoài Nhơn Bắc
6	030244	Nguyễn Linh Giang	Nữ	04/06/2011	Kinh	6.75	8	9.25	7	38	Trường THCS Phù Mỹ, Xã Phù Mỹ
7	030229	Nguyễn Lan Anh	Nữ	25/08/2011	Kinh	7	8.25	9.5	6.5	37.75	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
8	030256	Nguyễn Lê Hà Lam	Nữ	30/08/2011	Kinh	7.75	8	9.25	6.25	37.5	Trường THCS Hoài Mỹ, Phường Hoài Nhơn Đông
9	030284	Trần Huỳnh Thanh Tâm	Nữ	09/01/2011	Kinh	8	8	9.25	6	37.25	Trường THCS Tam Quan Bắc, Phường Hoài Nhơn Bắc
10	030247	Hoàng Ngọc Hà	Nữ	31/01/2011	Kinh	6.5	7.75	7	7.75	36.75	Trường THCS Tăng Bạt Hổ, Xã Hoài Ân
11	030297	Nguyễn Thị Kim Trâm	Nữ	03/07/2011	Kinh	7.25	7.5	7.25	7.25	36.5	Trường THCS Hoài Hương, Phường Hoài Nhơn Đông
12	030275	Trần Huỳnh Như	Nữ	18/12/2011	Kinh	6	8.25	9.25	6.5	36.5	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
13	030289	Dương Đặng Khánh Thương	Nữ	07/09/2011	Kinh	8	8	8.5	6	36.5	Trường THCS Bình Dương, Xã Bình Dương

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
14	030246	Trương Phạm Hương Giang	Nữ	17/06/2011	Kinh	6.75	8	8.5	6.5	36.25	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
15	030237	Đặng Thị Hồng Doanh	Nữ	28/11/2011	Kinh	7.25	7.5	9.25	6	36	Trường THCS Mỹ Phong, Xã Bình Dương
16	030245	Trần Nguyễn Linh Giang	Nữ	14/07/2011	Kinh	8	7.5	9.25	5.5	35.75	Trường THCS Hoài Tân, Phường Hoài Nhơn Nam
17	030302	Đặng Ngọc Tuyền	Nữ	11/11/2011	Kinh	7.75	7.75	8.75	5.5	35.25	Trường THCS Ân Tường Tây, Xã Ân Tường
18	030252	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	11/01/2011	Kinh	8.25	8	8.75	5	35	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
19	030310	Nguyễn Ngọc Yển	Nữ	16/05/2011	Kinh	7	8.5	9.25	5	34.75	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
20	030232	Hồ Thị Thanh Bình	Nữ	10/12/2011	Kinh	7.5	8	9.25	5	34.75	Trường THCS Mỹ Thắng, Xã Phù Mỹ Đông
21	030291	Lê Nguyễn Bảo Thy	Nữ	16/06/2011	Kinh	6	8.25	9.25	5.5	34.5	Trường THCS Ân Hữu, Xã Ân Tường
22	030281	Nguyễn Thị Thanh Phương	Nữ	05/07/2011	Kinh	7	7	8.25	6	34.25	Trường THCS Mỹ Châu, Xã Phù Mỹ Bắc
23	030234	Đặng Lê Kiều Diễm	Nữ	25/09/2011	Kinh	6.75	7.75	8.25	5.75	34.25	Trường THCS Hoài Xuân, Phường Hoài Nhơn Nam
24	030292	Phạm Thành Tiến	Nam	29/04/2011	Kinh	6.75	8	8.5	5.5	34.25	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
25	030265	Trần Ngô Thị Kim Nga	Nữ	06/04/2011	Kinh	7.25	8	9	5	34.25	Trường THCS Hoài Tân, Phường Hoài Nhơn Nam
26	030243	Trần Minh Đăng	Nam	02/05/2011	Kinh	7.25	7.75	6.5	6.25	34	Trường THCS Mỹ Tài, Xã Phù Mỹ Nam
27	030231	Huỳnh Ngọc Băng Băng	Nữ	23/06/2011	Kinh	6.5	7.25	8.25	6	34	Trường THCS Hoài Hải, Phường Hoài Nhơn Đông
28	030273	Hồ Thị Kim Như	Nữ	03/09/2011	Kinh	5.5	8	8.25	6	33.75	Trường THCS Mỹ An, Xã Phù Mỹ Đông

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
29	030306	Nguyễn Bùi Tường Vy	Nữ	05/08/2011	Kinh	7.5	8.25	6.5	5.75	33.75	Trường THCS Hoài Xuân, Phường Hoài Nhơn Nam
30	030267	Mai Trần Gia Ngọc	Nữ	16/01/2011	Kinh	6.75	7.75	8.75	5	33.25	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
31	030249	Huỳnh Thị Thuý Hằng	Nữ	05/03/2011	Kinh	7	7.75	7	5.5	32.75	Trường THCS Hoài Tân, Phường Hoài Nhơn Nam
32	030240	Võ Kỳ Duyên	Nữ	14/03/2011	Kinh	7	7.5	7	5.5	32.5	Trường THCS Ân Nghĩa, Xã Kim Sơn
33	030241	Trương Linh Đa	Nữ	14/02/2011	Kinh	7	7.5	6.75	5.5	32.25	THCS Mỹ Quang, Xã Phù Mỹ
34	030258	Nguyễn Hoàng Thanh Mai	Nữ	30/11/2011	Kinh	4.25	8.5	6.25	6.5	32	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
35	030251	Đặng Cao Gia Hân	Nữ	02/04/2011	Kinh	5.75	6.75	8.25	5.5	31.75	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn

Danh sách này có 35 thí sinh.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026 - 2027

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
LỚP CHUYÊN: LỊCH SỬ

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	030344	Nguyễn Ngọc Hoàng Vân	Nữ	06/10/2011	Kinh	7.75	6.5	9.5	9.25	42.25	Trường THCS Hoài Tân, Phường Hoài Nhơn Nam
2	030345	Nguyễn Tường Vy	Nữ	08/05/2011	Kinh	6.25	8	8.5	9	40.75	Trường THCS Mỹ An, Xã Phù Mỹ Đông
3	030343	Đặng Cẩm Vân	Nữ	23/09/2011	Kinh	6.5	7.25	9.5	8.25	39.75	Trường THCS Hoài Thanh Tây, Phường Hoài Nhơn
4	030341	Đỗ Ngọc Tính	Nam	29/07/2011	Kinh	8	6.5	8	8.5	39.5	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
5	030330	Phan Trần Nam Phong	Nam	01/06/2011	Kinh	7.5	7.25	8.5	7.5	38.25	Trường THCS Hoài Mỹ, Phường Hoài Nhơn Đông
6	030317	Hồ Vương Lâm	Nam	31/01/2011	Kinh	7	7	8	8	38	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
7	030327	Dương Ngô Hà Như	Nữ	24/10/2011	Kinh	6.25	7.75	8.75	7.25	37.25	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
8	030319	Lê Nguyễn Ngọc Trà My	Nữ	29/04/2011	Kinh	7.25	8.25	7.5	7	37	Trường THCS Đào Duy Từ, Phường Hoài Nhơn Tây
9	030324	Lê Trang Nhã	Nữ	01/01/2011	Kinh	7	7.25	7.5	7.5	36.75	Trường THCS Ân Nghĩa, Xã Kim Sơn
10	030315	Võ Hoàng Gia Khánh	Nữ	28/01/2011	Kinh	7.25	7	8	7.25	36.75	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
11	030331	Nguyễn Bá Phước	Nam	06/09/2011	Kinh	7.75	7	7.75	7	36.5	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
12	030328	Phạm Tâm Như	Nữ	12/08/2011	Kinh	7.25	7.5	9	6.25	36.25	Trường THCS Mỹ Chánh, Xã An Lương
13	030326	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	Nữ	15/05/2011	Kinh	7.5	7	8.75	6	35.25	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
14	030334	Nguyễn Hoàng Quân	Nam	04/07/2011	Kinh	6.75	7.25	8	6.5	35	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
15	030332	Nguyễn Thị Hoàng Phương	Nữ	22/08/2011	Kinh	7.5	8.25	9.25	5	35	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
16	030335	Phạm Thị Ánh Quyền	Nữ	29/09/2011	Kinh	6.5	7.25	7	7	34.75	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
17	030346	Tào Ngọc Bảo Yến	Nữ	22/12/2011	Kinh	6.75	6.75	8.25	6.25	34.25	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
18	030333	Đặng Võ Ngọc Quang	Nam	28/03/2011	Kinh	4.5	6.75	8	7.25	33.75	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
19	030316	Nguyễn Hữu Hoàng Kỳ	Nam	26/05/2011	Kinh	5.5	6.5	8.75	6.5	33.75	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
20	030336	Lê Thị Như Quỳnh	Nữ	14/02/2011	Kinh	5.25	6.25	8.25	6.75	33.25	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
21	030320	Đàm Kiều Na	Nữ	26/09/2011	Kinh	5.5	6.25	7.5	6.75	32.75	Trường THCS Ân Nghĩa, Xã Kim Sơn
22	030339	Vũ Khánh Thy	Nữ	18/12/2011	Kinh	6	6.75	7.5	6.25	32.75	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
23	030314	Bùi Nguyễn Ngọc Huyền	Nữ	01/01/2011	Kinh	6.5	7.5	6.75	6	32.75	Trường THCS Hoài Châu Bắc, Phường Hoài Nhơn Bắc
24	030329	Phan Đào Thị Phương Ni	Nữ	29/03/2011	Kinh	7	7.25	4.5	6.75	32.25	Trường THCS Hoài Thanh Tây, Phường Hoài Nhơn
25	030318	Đặng Khánh Linh	Nữ	10/04/2011	Kinh	4.75	5	8	6.75	31.25	Trường THCS An Tân, Xã An Lão
26	030338	Nguyễn Ngọc Minh Thư	Nữ	27/11/2011	Kinh	6.5	5.25	6	6.5	30.75	Trường THCS Ân Thạnh, Xã Vạn Đức
27	030321	Trần Hào Nam	Nam	18/05/2011	Kinh	6.25	5.75	6.75	6	30.75	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
28	030342	Phạm Lê Phương Uyên	Nữ	09/04/2011	Kinh	5.25	6.25	7.5	5.75	30.5	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
29	030340	Phạm Vũ Thùy Tiên	Nữ	31/03/2011	Kinh	6	5.25	7.25	5.5	29.5	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
30	030322	Nguyễn Trọng Nghĩa	Nam	24/08/2011	Kinh	5.5	7	6.5	5.25	29.5	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
31	030313	Đặng Diễm Hằng	Nữ	26/07/2011	Kinh	5.5	5.5	6.25	6	29.25	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
32	030325	Mai Yến Nhi	Nữ	13/01/2011	Kinh	5.75	5.75	4.5	6	28	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
33	030323	Nguyễn Thảo Nguyên	Nữ	26/11/2011	Kinh	4.5	5.5	4.75	6.25	27.25	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
34	030312	Võ Thị Mỹ Anh	Nữ	29/11/2011	Kinh	5	6.5	4.25	5.5	26.75	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn

Danh sách này có 34 thí sinh.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026 - 2027

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
LỚP CHUYÊN: ĐỊA LÍ

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	030358	Nguyễn Thành Khoa	Nam	19/09/2011	Kinh	7.5	7.5	7.25	7	36.25	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
2	030352	Trần Bảo Hân	Nữ	11/05/2011	Kinh	7.5	6.75	9.25	6.25	36	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
3	030349	Đoàn Thị Bích Hào	Nữ	05/06/2011	Kinh	7	7	6.75	7.5	35.75	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
4	030359	Nguyễn Đăng Trúc Lam	Nữ	21/02/2011	Kinh	6.5	6.75	8	7.25	35.75	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
5	030365	Lê Nguyễn Hải Nguyên	Nữ	11/07/2011	Kinh	7.25	7.25	9	6	35.5	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
6	030356	Nguyễn Hoàng Khang	Nam	30/06/2011	Kinh	6.5	7	8.5	6.25	34.5	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
7	030348	Lê Trần Mỹ Giang	Nữ	12/10/2011	Kinh	6	7.25	9.5	5.25	33.25	Trường THCS Tam Quan, Phường Tam Quan
8	030371	Nguyễn Ngô Như Quỳnh	Nữ	23/05/2011	Kinh	5.5	7.5	8	6	33	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
9	030347	Huỳnh Nguyễn Anh Dương	Nam	08/04/2011	Kinh	7.75	6.5	7.75	5.5	33	Trường THCS Hoài Tân, Phường Hoài Nhơn Nam
10	030376	Nguyễn Đăng Thanh Tú	Nam	29/03/2011	Kinh	5.5	8.25	9	5	32.75	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
11	030375	Nguyễn Ngọc Thư	Nữ	01/01/2011	Kinh	5.5	7.75	8.25	5.5	32.5	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
12	030373	Trần Tấn Tài	Nam	30/12/2011	Kinh	6.25	6.5	6.5	6.5	32.25	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
13	030366	Lý Trần Khánh Nhi	Nữ	20/10/2011	Kinh	7	7	6.75	5.75	32.25	Trường THCS Hoài Hương, Phường Hoài Nhơn Đông

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
14	030381	Đặng Công Việt	Nam	30/05/2011	Kinh	7.5	5.5	9.25	5	32.25	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
15	030367	Đinh Huỳnh Gia Như	Nữ	16/08/2011	Kinh	7.25	7.25	7	5.25	32	Trường THCS Hoài Mỹ, Phường Hoài Nhơn Đông
16	030378	Nguyễn Cát Tường	Nữ	17/11/2011	Kinh	6.25	6.75	8.75	5	31.75	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
17	030380	Nguyễn Khánh Uyên	Nữ	24/02/2011	Kinh	7	5.75	9	5	31.75	Trường THCS Ân Hữu, Xã Ân Tường
18	030362	Võ Lê Thanh Nghị	Nữ	05/04/2011	Kinh	5.75	7	7.25	5.75	31.5	Trường THCS Hoài Xuân, Phường Hoài Nhơn Nam
19	030372	Đoàn Tấn Tài	Nam	22/12/2011	Kinh	8	6.25	7.25	5	31.5	Trường THCS Hoài Tân, Phường Hoài Nhơn Nam
20	030361	Dương Tường Nghi	Nữ	11/10/2011	Kinh	6	5.75	8.25	5.5	31	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
21	030350	Lê Hoài Bảo Hân	Nữ	18/09/2011	Kinh	6.5	6.75	6	5.25	29.75	Trường THCS Hoài Thanh, Phường Hoài Nhơn
22	030355	Nguyễn Trần Việt Hương	Nữ	12/01/2011	Kinh	7	7	5.75	5	29.75	Trường THCS Hoài Thanh Tây, Phường Hoài Nhơn
23	030374	Hồ Lê Kim Thảo	Nữ	28/11/2011	Kinh	7	7	5	5	29	Trường THCS Hoài Mỹ, Phường Hoài Nhơn Đông
24	030364	Nguyễn Phùng Bảo Ngọc	Nữ	10/02/2011	Kinh	4.75	6	7.75	5	28.5	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
25	030351	Nguyễn Võ Ngọc Hân	Nữ	18/03/2011	Kinh	7	6.75	3.75	5	27.5	Trường THCS Hoài Mỹ, Phường Hoài Nhơn Đông
26	030363	Nguyễn Đặng Bảo Ngọc	Nữ	04/02/2011	Kinh	5.25	7	4	5.5	27.25	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
27	030370	Huỳnh Thùy Quyên	Nữ	07/09/2011	Kinh	5	6.75	4.75	5	26.5	Trường THCS Hoài Mỹ, Phường Hoài Nhơn Đông
28	030354	Chế Quỳnh Hương	Nữ	07/12/2011	Kinh	5	6.75	4	5	25.75	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
29	030357	Lê Bảo Khanh	Nam	12/06/2011	Kinh	3.75	5.75	4.75	5.25	24.75	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn

Danh sách này có 29 thí sinh.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026 - 2027

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
LỚP CHUYÊN: TIẾNG ANH

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	030413	Huỳnh Thị Mỹ Ngọc	Nữ	02/01/2011	Kinh	8.25	8.25	10	8.7	43.9	Trường THCS Phù Mỹ, Xã Phù Mỹ
2	030434	Phan Nguyễn Khánh Thy	Nữ	19/07/2011	Kinh	9	8.25	9.75	8.1	43.2	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
3	030385	Võ Quỳnh Châu	Nữ	18/03/2011	Kinh	9.25	8.5	9.75	7.8	43.1	Trường THCS Hoài Châu Bắc, Phường Hoài Nhơn Bắc
4	030445	Võ Trần Cát Vi	Nữ	13/01/2011	Kinh	9	8	9.75	7.8	42.35	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
5	030435	Trần Huyền Trâm	Nữ	12/06/2011	Kinh	8.25	7.75	10	7.8	41.6	Trường THCS Hoài Hương, Phường Hoài Nhơn Đông
6	030407	Nguyễn Thùy My	Nữ	16/05/2011	Kinh	7.25	7.75	10	7.9	40.8	Trường THCS Hoài Châu, Phường Tam Quan
7	030399	Nguyễn Phan Quỳnh Hương	Nữ	18/10/2011	Kinh	9	6.5	10	7.6	40.7	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
8	030402	Lưu Nguyễn Ngân Khánh	Nữ	02/09/2011	Kinh	7.5	8	9	8	40.5	Trường THCS Tăng Bạt Hổ, Xã Hoài Ân
9	030416	Lê Ánh Nhật	Nữ	17/12/2011	Kinh	9	8.75	10	6.3	40.35	Trường THCS Bình Dương, Xã Bình Dương
10	030414	Phạm Huỳnh Khánh Ngọc	Nữ	21/10/2011	Kinh	8	8	9.5	7.1	39.7	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
11	030437	Bùi Ngọc Bảo Trân	Nữ	13/02/2011	Kinh	7.25	8.25	10	6.4	38.3	Trường THCS Ân Nghĩa, Xã Kim Sơn
12	030439	Huỳnh Bảo Trân	Nữ	21/11/2011	Kinh	7.5	8.25	9.75	6.4	38.3	Trường THCS Mỹ Chánh, Xã An Lương
13	030425	Trần Thị Diễm Quỳnh	Nữ	15/10/2011	Kinh	7.75	8	9.5	6.4	38.05	Trường THCS Tam Quan Nam, Phường Hoài Nhơn

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
14	030443	Phạm Duy Tường	Nam	31/10/2011	Kinh	7.75	6.75	10	6.6	37.7	Trường THCS Ân Đức, Xã Hoài Ân
15	030394	Lê Vũ Bá Hải	Nam	03/05/2011	Kinh	7.75	7.5	9.75	6.3	37.6	Trường THCS Tam Quan Bắc, Phường Hoài Nhơn Bắc
16	030390	Đào Nguyễn Trà Giang	Nữ	30/01/2011	Kinh	7.5	7.75	9	6.5	37.25	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
17	030444	Phạm Nhật Hạ Uyên	Nữ	09/07/2011	Kinh	7.25	6.25	9.5	7.1	37.2	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
18	030441	Đặng Phan Tuấn	Nam	13/09/2011	Kinh	8.25	9	9.75	5.1	37.2	Trường THCS Bình Dương, Xã Bình Dương
19	030386	Võ Hàn Ngọc Diệp	Nữ	20/07/2011	Kinh	7.25	7.25	9.25	6.5	36.75	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
20	030408	Phan Ly Na	Nữ	05/01/2011	Kinh	7.75	7	9.75	6.1	36.7	Trường THCS Hoài Hương, Phường Hoài Nhơn Đông
21	030420	Ngô Lưu Quỳnh Như	Nữ	11/11/2011	Kinh	8.5	7.5	9.5	5.6	36.7	Trường THCS Tam Quan Nam, Phường Hoài Nhơn
22	030428	Nguyễn Việt Thắng	Nam	24/06/2011	Kinh	8	8	9.75	5.4	36.55	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
23	030419	Trần Mỹ Nhung	Nữ	19/02/2011	Kinh	7	7.25	9.75	6.2	36.4	Trường THCS Ân Thạnh, Xã Vạn Đức
24	030401	Nguyễn Trọng Khang	Nam	17/10/2011	Kinh	8.5	7.25	9.25	5.7	36.4	Trường THCS Hoài Tân, Phường Hoài Nhơn Nam
25	030412	Nguyễn Dương Nghĩa	Nam	14/05/2011	Kinh	7.5	7	9.75	6	36.25	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
26	030391	Đinh Lê Châu Giang	Nữ	26/11/2011	Kinh	7.75	8.25	9.75	5.2	36.15	Trường THCS Hoài Hương, Phường Hoài Nhơn Đông
27	030431	Nguyễn Quỳnh Song Thư	Nữ	09/11/2011	Kinh	8.25	7.75	9.5	5.3	36.1	Trường THCS Hoài Đức, Phường Bồng Sơn
28	030448	Huỳnh Như Ý	Nữ	29/01/2011	Kinh	9	7.25	9.75	5	36	THCS Mỹ Quang, Xã Phù Mỹ

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Môn chung			Môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển chuyên	Trường THCS, xã phường
						Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
29	030421	Huỳnh Nam Phương	Nữ	15/04/2011	Kinh	8.5	6.25	9.5	5.7	35.65	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
30	030406	Trương Thị Ánh Ly	Nữ	28/08/2011	Kinh	7.5	7.25	9.5	5.7	35.65	Trường THCS Ân Mỹ, Xã Ân Hào
31	030446	Nguyễn Hồ Bảo Việt	Nam	22/10/2011	Kinh	7.25	6.75	9.75	5.9	35.55	Trường THCS Tam Quan Bắc, Phường Hoài Nhơn Bắc
32	030387	Thái Nguyễn Hoàng Duy	Nam	14/12/2011	Kinh	7.75	7	9.75	5.2	34.9	Trường THCS Hoài Thanh Tây, Phường Hoài Nhơn
33	030417	Lê Trần Yến Nhi	Nữ	27/02/2011	Kinh	7.25	6.5	9.25	5.8	34.6	Trường THCS Hoài Hương, Phường Hoài Nhơn Đông
34	030418	Nguyễn Khánh Kiều Nhi	Nữ	04/01/2011	Kinh	7	6.25	9.25	5.9	34.3	Trường THCS Bồng Sơn, Phường Bồng Sơn
35	030405	Trần Ngọc Thảo Linh	Nữ	26/11/2011	Kinh	7	7.5	9.75	5	34.25	Trường THCS Tăng Bạt Hổ, Xã Hoài Ân

Danh sách này có 35 thí sinh.